

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và ông Lưu Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Quách Duy P, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1999, tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn S và bà Trần Thị Lệ T; bị cáo có vợ là Phạm Hồng N và có 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH một thành viên N1; địa chỉ: E Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật: Anh Phan Văn H, sinh năm 1991, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; địa chỉ thường trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Phạm Hồng N, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1), có trụ sở tại E Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có kho hàng tại B N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ bưu chính/chuyển phát nhanh hàng hóa; do anh Phan Văn H, sinh năm 1991, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; địa chỉ thường trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai làm đại diện.

Năm 2022, Công ty N1 ký hợp đồng làm đại lý ủy quyền cho Công ty TNHH Một thành viên C - Chi nhánh T1 (sau đây gọi tắt là Công ty C), có trụ sở tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, với thương hiệu J&T Express. Theo hợp đồng, Công ty N1 có trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, tiếp nhận bưu gửi của khách hàng, đóng gói, lưu giữ, bảo quản và vận chuyển bưu gửi về Công ty C. Đồng thời nhận bưu phát từ Công ty C về chuyển giao cho khách và thu tiền hàng, tiền cước (gọi là COD), sau đó thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Công ty C. Công ty C sẽ trích hoa hồng theo các đơn hàng cho Công ty N1.

Ngày 13/9/2023, Công ty N1 ký hợp đồng dịch vụ có thời hạn số 2023/HĐDV với bị cáo Quách Duy P. Theo hợp đồng, Quách Duy P có trách nhiệm phân loại, sắp xếp, xử lý, vận chuyển, đóng gói bưu phẩm khách gửi, đồng thời nhận bưu phẩm từ Công ty N1 đi giao cho khách hàng trên địa bàn thị xã A và thu COD. Mức lương Công ty N1 trả cho Quách Duy P là 3.500.000đ/tháng và hoa hồng là 3.000đ/1 đơn hàng giao cho khách thành công và Công ty trả số tiền này vào ngày nhận lương. Đúng 21 giờ hàng ngày, Quách Duy P có trách nhiệm tổng kết đơn hàng trong ngày, bàn giao lại hàng chưa giao được cho khách và tiền COD khách trả đầy đủ cho Công ty N1. Nếu giao các đơn hàng ở xa thì việc này có thể được thực hiện vào sáng ngày hôm sau nhưng phải điện thoại báo trực tiếp cho anh H và được anh H đồng ý.

Để tham gia làm việc cho Công ty N1, Quách Duy P phải có điện thoại di động thông minh và tải ứng dụng J&T Express. Công ty N1 sẽ cấp cho Quách Duy P một tài khoản trên ứng dụng này. Khi đến Công ty làm việc, P sẽ được Công ty phân chia hàng để giao cho khách, đồng thời Công ty sẽ quét mã trên sản phẩm để xác nhận trên hệ thống, rồi P đăng nhập vào ứng dụng của J để xem các đơn hàng sẽ đi giao. Khi gặp khách hàng, Quách Duy P sẽ xem đơn hàng của khách phải thu bao nhiêu tiền và thông báo cho khách biết, khách hàng đưa bằng tiền mặt trực tiếp cho Quách Duy P. Sau khi giao xong, Quách Duy P vào ứng dụng J&T để xác nhận đơn hàng giao thành công. Tất cả các đơn hàng được xác nhận giao thành công là giá trị số tiền COD mà Quách Duy P phải thanh toán vào cuối ngày cho Công ty.

Như thường lệ, ngày 24/10/2023, Quách Duy P đến kho hàng của Công ty N1 nhận các đơn hàng để giao cho khách hàng trên địa bàn thị xã A. Sau khi giao

đơn hàng cho khách thành công, số tiền COD Quách Duy P thu được tổng cộng là 8.340.499đ và Quách Duy P đã vào ứng dụng J&T để xác nhận giao thành công. Do đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này nên Quách Duy P đã nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn số tiền 8.340.499đ. Vì vậy, khi đến giờ hoạch toán đơn hàng trong ngày về cho Công ty, Quách Duy P điện thoại cho anh H báo cáo kết quả giao nhận hàng cho khách trong ngày và nói dối lý do là còn giao các đơn hàng xa Công ty không về hoạch toán tiền COD kịp giờ, xin anh H đến sáng hôm sau đi làm sẽ hoạch toán, nộp tiền COD ngày 24/10/2023, thì anh H đồng ý.

Sáng ngày 25/10/2023, Quách Duy P đến Công ty N1 đi làm và tiếp tục muốn chiếm đoạt tiền COD trong ngày nên ngoài những đơn hàng được Công ty phân công đi giao cho khách, Quách Duy P còn nhận thêm các đơn hàng khác có giá trị cao để đi giao. Đến 17 giờ cùng ngày, P giao xong tất cả các đơn hàng cho khách. Tổng số tiền COD thu được trong ngày 25/10/2023 là 65.424.720đ nhưng Quách Duy P vào ứng dụng J&T xác nhận chỉ giao thành công, thu COD được số tiền là 63.685.720đ. Sáng ngày 26/10/2023, Quách Duy P không lên Công ty đi làm. Khi kế toán của Công ty N1 điện thoại nói Quách Duy P còn 03 đơn hàng đã giao chưa được xác nhận trong ứng dụng J&T thì Quách Duy P đăng nhập vào ứng dụng xác nhận giao thành công của 03 đơn hàng này với số tiền là 1.739.000đ. Và Quách Duy P chiếm đoạt hết số tiền COD của Công ty vào ngày 25/10/2023 là 65.424.720đ.

Như vậy, tổng số tiền Quách Duy P chiếm đoạt của Công ty N1 trong 02 ngày 24/10/2023 và 25/10/2023 là 73.765.219đ. Số tiền này, Quách Duy P đưa 60.000.000đ cho vợ là Phạm Hồng N, còn lại Quách Duy P giữ, tiêu xài cá nhân hết.

Anh H phát hiện sự việc, liên lạc với Quách Duy P đề nghị Quách Duy P giao trả tiền COD về cho Công ty thì P nói lỡ tiêu hết tiền và xin được trả dần số tiền này nhưng anh H không đồng ý nên đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an thị xã A, đồng thời cung cấp cho Cơ quan điều tra các chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của Quách Duy P.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A thu giữ của Quách Duy P 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI, đã qua sử dụng, số IMEI: 867743040555572, 867743040590587, bị vỡ mặt trước và sau.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Quách Duy P về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quách Duy P phạm tội tham ô tài sản.

Đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quách Duy P từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo Quách Duy P 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI, đã qua sử dụng, số IMEI: 867743040555572, 867743040590587, bị vỡ mặt trước và sau.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Quách Duy P phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời khai của anh Phan Văn H đại diện Công ty TNHH Một thành viên N1 thể hiện: Ngày 13/9/2023, Công ty N1 ký hợp đồng dịch vụ có thời hạn số 2023/HDDV với bị cáo Quách Duy P. Theo hợp đồng, Quách Duy P có trách nhiệm phân loại, sắp xếp, xử lý, vận chuyển, đóng gói bưu phẩm khách gửi, đồng thời nhận bưu phẩm từ Công ty N1 đi giao cho khách hàng trên địa bàn thị xã A và thay mặt Công ty nhận các khoản cước, phí, thu hộ của khách hàng về nộp lại cho Công ty. Mỗi tháng Công ty trả cho Quách Duy P 3.500.000đ/tháng và hoa hồng là 3.000đ/1 đơn hàng giao cho khách thành công. Ngày 24/10/2023 Quách Duy P đã thu của khách hàng 8.340.499đ, ngày 25/10/2023 Quách Duy P đã thu của khách hàng 65.424.720đ nhưng Quách Duy P không giao lại cho Công ty mà chiếm đoạt để sử dụng cá nhân, sau đó tự ý nghỉ việc. Tổng số tiền mà Quách Duy P đã chiếm đoạt của Công ty là 73.765.219đ. Công ty đã nhiều lần yêu cầu Quách Duy P trả lại số tiền đã chiếm đoạt nhưng Quách Duy P không thực hiện. Vì vậy, ngày 02/11/2023 Công ty đã làm đơn tố cáo hành vi tham ô tài sản của Quách Duy P. Ngày 08/11/2023 Quách Duy P đã trả đủ số tiền 73.765.219đ mà Quách Duy P đã chiếm đoạt của Công ty. Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH Một thành viên N1 không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của chị Phạm Hồng N thể hiện: Chị N là vợ của bị cáo Quách Duy P. Ngày 25/10/2023, Quách Duy P đưa cho chị N 60.000.000đ và nói là tiền lương và tiền thưởng Công ty TNHH một thành viên N1 trả cho Quách Duy P, nên chị N cầm tiền và cất vào tủ. Chị N không biết số tiền này là do Quách Duy P chiếm đoạt của Công ty TNHH một thành viên N1.

Tại phiên tòa bị cáo Quách Duy P thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 13/9/2023, Công ty TNHH một thành viên N1 ký hợp đồng dịch vụ có thời hạn số 2023/HĐDV với Quách Duy P. Theo hợp đồng, Quách Duy P có trách nhiệm phân loại, sắp xếp, xử lý, vận chuyển, đóng gói bưu phẩm khách gửi, đồng thời nhận bưu phẩm từ Công ty N1 đi giao cho khách hàng trên địa bàn thị xã A và thay mặt Công ty nhận các khoản cước, phí, thu hộ cho khách hàng. Ngày 24/10/2023 Quách Duy P đã thu của khách hàng 8.340.499đ, ngày 25/10/2023 Quách Duy P đã thu của khách hàng 65.424.720đ nhưng Quách Duy P không giao lại cho Công ty mà chiếm đoạt để sử dụng cá nhân. Tổng số tiền mà Quách Duy P đã chiếm đoạt của Công ty là 73.765.219đ.

Như vậy, Quách Duy P là người được Công ty TNHH một thành viên N1 giao nhiệm vụ thay mặt Công ty nhận các khoản cước, phí, thu hộ cho khách hàng, do đó Quách Duy P là người “có chức vụ, quyền hạn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Luật Phòng chống tham nhũng và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong hai ngày 24/10/2023 và 25/10/2023, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao Quách Duy P đã chiếm đoạt của Công ty TNHH một thành viên N1 số tiền đã thu của khách hàng do Quách Duy P quản lý là 73.765.219đ (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm mười chín đồng). Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Quách Duy P phạm tội “Tham ô tài sản”. Mặc dù số tiền mà bị cáo chiếm đoạt dưới 100.000.000đ nhưng do bị cáo hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần chiếm đoạt trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH một thành viên N1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội đã kịp thời bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại. Vì vậy, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Về hình phạt bổ sung: Xét gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ bị cáo nuôi con nhỏ và không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Quách Duy P đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty TNHH Một thành viên N1. Đại diện Công ty TNHH Một thành viên N1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Xét vật chứng là 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWAI, đã qua sử dụng, số IMEI: 867743040555572, 867743040590587, bị vỡ mặt trước và sau không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quách Duy P phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quách Duy P 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 10 tháng 01 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Quách Duy P 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI, đã qua sử dụng, số IMEI: 867743040555572, 867743040590587, bị vỡ mặt trước và sau.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã A).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Quách Duy P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 7 năm 2024) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Bùi Tứ Hải